

# Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng vận dụng IPSAS vào các đơn vị hành chính sự nghiệp Việt Nam

NGUYỄN QUANG KHẢI\*

## Tóm tắt

Trong xu hướng toàn cầu hóa việc sử dụng chuẩn mực kế toán quốc tế ngày càng được xem xét nhiều hơn, khi áp dụng vào một hoàn cảnh cụ thể thường gặp khó khăn do nhiều yếu tố. Bằng phương pháp định lượng, tác giả tìm kiếm những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng vận dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSAS) vào công tác kế toán của các đơn vị hành chính sự nghiệp ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 3 nhân tố chính ảnh hưởng đến khả năng vận dụng IPSAS vào các đơn vị hành chính sự nghiệp, bao gồm: Năng lực đội ngũ kế toán công, Chi phí và Hệ thống thông tin.

**Từ khóa:** kế toán công quốc tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, IPSAS

## Summary

In time of globalization, the use of international accounting standards has been more common but its application often encounters difficulties due to many factors. Therefore, by using quantitative method, the author tries to point out determinants of applying International Public Sector Accounting Standards (IPSAS) to Vietnam's business administrative units. The result indicates 3 main factors including Capability of public accounting, Cost and Information system.

**Keywords:** international public accounting, business administrative units, IPSAS

## GIỚI THIỆU

Hiện nay, khi nghiên cứu việc vận dụng IPSAS, các nghiên cứu ở Việt Nam cũng như trên thế giới chủ yếu tập trung vào chuẩn mực phục vụ hoạt động kế toán của doanh nghiệp mà rất ít nghiên cứu về kế toán công quốc tế. Do đó, với xu hướng quốc tế hóa, việc nghiên cứu áp dụng chuẩn mực này ở Việt Nam là rất cần thiết. Chính vì lý do đó, bài nghiên cứu tiến hành phân tích định lượng, tìm ra những yếu tố ảnh hưởng khả năng vận dụng vào hoạt động kế toán của các đơn vị hành chính sự nghiệp Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp phù hợp để có thể áp dụng trong tương lai.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

IPSAS do Ủy ban IPSAS (IPSASB) ban hành. Đây là một bộ các chuẩn mực kế toán được phát triển một cách độc lập và được xem như là một văn bản áp dụng hữu hiệu cho các tổ chức hoặc đơn vị hành chính sự nghiệp. Hiện nay các quốc gia trên thế giới đang dần dần áp dụng chuẩn mực này.

Các nghiên cứu trước đây về những yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng IPSAS, một số các nghiên cứu đã đưa ra các kết quả rất có giá trị. Như nghiên cứu của Le Thi Nha Trang (2012) và Trần Đình Khôi Nguyễn (2013) đã tiến hành nghiên cứu định tính và cho rằng, có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chuẩn

\*ThS., Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh | Email: khai.hitu@gmail.com  
Ngày nhận bài: 15/07/2016; Ngày phản biện: 24/08/2016; Ngày duyệt đăng: 24/08/2016

mức kế toán vào hoạt động các tổ chức bao gồm: nhận thức của nhà quản trị, trình độ kế toán viên, đội ngũ kế toán, công tác thanh tra, kiểm tra, kinh nghiệm ban hành chuẩn mực, hệ thống thông tin. Bằng dữ liệu khảo sát từ những người làm công tác kế toán công trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nghiên cứu của Nguyễn Như Quỳnh (2015) đã kiểm tra lại các nhân tố trên và tìm ra được 3 nhóm nhân tố ảnh hưởng trực tiếp và có ý nghĩa thống kê đến việc vận dụng chuẩn mực quốc tế về “báo cáo lưu chuyển tiền tệ”. 3 nhóm nhân tố đó bao gồm: kinh nghiệm ban hành chuẩn mực, đội ngũ kế toán và hệ thống thông tin.

Nhìn chung ở Việt Nam cũng như trên thế giới, các nghiên cứu liên quan đến việc tìm kiếm những nhân tố tác động đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế là không nhiều, nhất là đối với IPSAS. Chính vì thế, bài nghiên cứu của tác giả dựa trên kết quả của các bài phân tích, nghiên cứu đã thực hiện trước đó, đồng thời bổ sung, kiểm chứng thông qua phân tích định lượng nhằm hoàn thiện cho các nghiên cứu trước đây.

Từ các nghiên cứu trước cũng như qua phân tích đánh giá, tác giả đề xuất 5 nhóm nhân tố có thể ảnh hưởng đến khả năng áp dụng chuẩn mực kế toán công như sau: Kinh nghiệm ban hành chuẩn mực (KN), Năng lực đội ngũ kế toán công (NL), Sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam (HT), Chi phí (CP) và Hệ thống thông tin (TT). Các nhân tố được dự đoán sẽ có tương quan dương, trừ nhân tố sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam có tương quan âm với khả năng áp dụng IPSAS vào các đơn vị hành chính sự nghiệp.

#### **Phương pháp nghiên cứu**

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu khảo sát thuận tiện kết hợp với với phương pháp phát triển mầm. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát 142 nhân viên kế toán làm việc hoặc đã từng làm việc

**Cần chú trọng đầu tư phát triển hệ thống thông tin trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Mặc dù, chi phí nói chung cũng như chi phí cho hệ thống thông tin cần thiết để áp dụng IPSAS có thể lớn, nhưng việc đầu tư là cần thiết và nó sẽ mang lại lợi ích lớn về sau.**

tại các tổ chức hành chính sự nghiệp, như: các trường học, bệnh viện công,... Thời gian khảo sát từ tháng 11/2015 đến tháng 05/2016. Khu vực khảo sát ở TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương, Đồng Nai, Long An.

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết hợp với xây dựng mô hình hồi quy đa biến.

Bảng câu hỏi được thiết kế nhằm tìm ra sự đánh giá của người được khảo sát theo các biến dự đoán ban đầu. Các biến quan sát được trình bày trong Bảng 1 (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

### **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **Thống kê mô tả các biến quan sát**

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 2 cho thấy hầu hết kế toán đang hoạt động tại các đơn vị hành chính sự nghiệp đều cho rằng, việc áp dụng IPSAS là cần thiết và Việt Nam có khả năng áp dụng hiệu quả. Mức độ đồng ý cho các nhân tố ở

**BẢNG 1: TÓM TẮT CÁC BIẾN NGHIÊN CỨU**

Biến	Tên biến
IPS1	Mức độ sẵn sàng áp dụng IPSAS của kế toán viên
IPS2	Việt Nam cần thiết phải áp dụng IPSAS
KN1	Việc ban hành các hướng dẫn thực hiện liên quan đến kế toán công là kịp thời
KN2	Có cho thời gian thử nghiệm trước khi áp dụng chuẩn mực
KN3	Chuẩn mực kế toán công cần được ban hành trình tự giống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp
NL1	Kế toán công được đào tạo tốt ở các cấp học
NL2	Kế toán viên có khả năng đọc hiểu chuẩn mực kế toán quốc tế
NL3	Kế toán viên có khả năng thích ứng khi chuẩn mực thay đổi
NL4	Kế toán viên có khả năng nhận biết được các ưu nhược điểm của từng chuẩn mực
HT1	Các quy định về kế toán công ở Việt Nam là hoàn thiện, không cần bổ sung sửa đổi
HT2	Các quy định về kế toán công ở Việt Nam dễ hiểu, dễ thực hiện
CP1	Việc nghiên cứu kế toán công quốc tế cần nhiều thời gian
CP2	Cần thuê các chuyên gia trong và ngoài nước trong việc ban hành áp dụng chuẩn mực mới
CP3	Cần chi phí cao để thay đổi hoặc cập nhật hệ thống thông tin
TT1	Hệ thống thông tin dễ dàng cập khi thay đổi chuẩn mực
TT2	Hệ thống thông tin giúp việc áp dụng chuẩn mực mới dễ dàng hơn

mức kế toán vào hoạt động các tổ chức bao gồm: nhận thức của nhà quản trị, trình độ kế toán viên, đội ngũ kế toán, công tác thanh tra, kiểm tra, kinh nghiệm ban hành chuẩn mực, hệ thống thông tin. Bảng dữ liệu khảo sát từ những người làm công tác kế toán công trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nghiên cứu của Nguyễn Như Quỳnh (2015) đã kiểm tra lại các nhân tố trên và tìm ra được 3 nhóm nhân tố ảnh hưởng trực tiếp và có ý nghĩa thống kê đến việc vận dụng chuẩn mực quốc tế về “báo cáo lưu chuyển tiền tệ”. 3 nhóm nhân tố đó bao gồm: kinh nghiệm ban hành chuẩn mực, đội ngũ kế toán và hệ thống thông tin.

Nhìn chung ở Việt Nam cũng như trên thế giới, các nghiên cứu liên quan đến việc tìm kiếm những nhân tố tác động đến việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế là không nhiều, nhất là đối với IPSAS. Chính vì thế, bài nghiên cứu của tác giả dựa trên kết quả của các bài phân tích, nghiên cứu đã thực hiện trước đó, đồng thời bổ sung, kiểm chứng thông qua phân tích định lượng nhằm hoàn thiện cho các nghiên cứu trước đây.

Từ các nghiên cứu trước cũng như qua phân tích đánh giá, tác giả đề xuất 5 nhóm nhân tố có thể ảnh hưởng đến khả năng áp dụng chuẩn mực kế toán công như sau: Kinh nghiệm ban hành chuẩn mực (KN), Năng lực đội ngũ kế toán công (NL), Sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam (HT), Chi phí (CP) và Hệ thống thông tin (TT). Các nhân tố được dự đoán sẽ có tương quan dương, trừ nhân tố sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam có tương quan âm với khả năng áp dụng IPSAS vào các đơn vị hành chính sự nghiệp.

#### **Phương pháp nghiên cứu**

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu khảo sát thuận tiện kết hợp với với phương pháp phát triển mầm. Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát 142 nhân viên kế toán làm việc hoặc đã từng làm việc

**Cần chú trọng đầu tư phát triển hệ thống thông tin trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Mặc dù, chi phí nói chung cũng như chi phí cho hệ thống thông tin cần thiết để áp dụng IPSAS có thể lớn, nhưng việc đầu tư là cần thiết và nó sẽ mang lại lợi ích lớn về sau.**

tại các tổ chức hành chính sự nghiệp, như: các trường học, bệnh viện công,... Thời gian khảo sát từ tháng 11/2015 đến tháng 05/2016. Khu vực khảo sát ở TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương, Đồng Nai, Long An.

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết hợp với xây dựng mô hình hồi quy đa biến.

Bảng câu hỏi được thiết kế nhằm tìm ra sự đánh giá của người được khảo sát theo các biến dự đoán ban đầu. Các biến quan sát được trình bày trong Bảng 1 (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

### **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **Thống kê mô tả các biến quan sát**

Kết quả thống kê mô tả trong Bảng 2 cho thấy hầu hết kế toán đang hoạt động tại các đơn vị hành chính sự nghiệp đều cho rằng, việc áp dụng IPSAS là cần thiết và Việt Nam có khả năng áp dụng hiệu quả. Mức độ đồng ý cho các nhân tố ở

**BẢNG 1: TÓM TẮT CÁC BIẾN NGHIÊN CỨU**

Biến	Tên biến
IPS1	Mức độ sẵn sàng áp dụng IPSAS của kế toán viên
IPS2	Việt Nam cần thiết phải áp dụng IPSAS
KN1	Việc ban hành các hướng dẫn thực hiện liên quan đến kế toán công là kịp thời
KN2	Có cho thời gian thử nghiệm trước khi áp dụng chuẩn mực
KN3	Chuẩn mực kế toán công cần được ban hành trình tự giống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp
NL1	Kế toán công được đào tạo tốt ở các cấp học
NL2	Kế toán viên có khả năng đọc hiểu chuẩn mực kế toán quốc tế
NL3	Kế toán viên có khả năng thích ứng khi chuẩn mực thay đổi
NL4	Kế toán viên có khả năng nhận biết được các ưu nhược điểm của từng chuẩn mực
HT1	Các quy định về kế toán công ở Việt Nam là hoàn thiện, không cần bổ sung sửa đổi
HT2	Các quy định về kế toán công ở Việt Nam dễ hiểu, dễ thực hiện
CP1	Việc nghiên cứu kế toán công quốc tế cần nhiều thời gian
CP2	Cần thuê các chuyên gia trong và ngoài nước trong việc ban hành áp dụng chuẩn mực mới
CP3	Cần chi phí cao để thay đổi hoặc cập nhật hệ thống thông tin
TT1	Hệ thống thông tin dễ dàng cập khi thay đổi chuẩn mực
TT2	Hệ thống thông tin giúp việc áp dụng chuẩn mực mới dễ dàng hơn

mức trung bình đều lớn hơn 4, riêng đối với các biến đo lường sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam thì lại có giá trị ở mức không đồng ý.

**Đánh giá độ tin cậy của thang đo**

Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo (kiểm định Cronbach's Alpha) được thể hiện qua Bảng 3, biến đo lường khả năng áp dụng IPSAS vào Việt Nam cùng với 14 biến quan sát thuộc 5 nhóm nhân tố đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6 (thấp nhất là nhóm biến kinh nghiệm ban hành chuẩn mực với hệ số Alpha = 0.646) chứng tỏ thang đo lường sử dụng phù hợp, các hệ số tương quan biến tổng đều từ 0.3 trở lên (Nunnally và Bernstein, 1994). Do đó, các biến đo lường này đều chấp nhận được về mặt tin cậy và được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá (EFA)

**Phân tích EFA**

Trong nghiên cứu này, phương pháp rút trích được chọn để phân tích nhân tố là phương pháp Principal components với phép quay vuông góc Varimax. Kết quả phân tích EFA với các kiểm định được đảm bảo như sau:

(1) Hệ số tương quan đơn giữa các biến và các nhân tố Factor loadings (hệ số tải nhân tố) > 0.5 hệ số này lớn cho biết nhân tố và biến có liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu các hệ số tương quan nhỏ (< 0.30) sử dụng EFA không phù hợp (Hair et al., 2006).

(2) Kiểm định tính thích hợp của mô hình để sử dụng EFA, KMO phải lớn hơn 0.50. Kaiser (1974) đề nghị KMO ≥ 0.90: rất tốt; KMO ≥ 0.80: tốt; KMO ≥ 0.70: được; KMO ≥ 0.60: tạm được; KMO ≥ 0.50: xấu và KMO < 0.50: không thể chấp nhận được. Với dữ liệu có được, kết quả kiểm định KMO = 0.923, rõ ràng, kết quả chứng tỏ phân tích nhân tố là rất thích hợp với dữ liệu.

(3) Kiểm định Bartlett về tương quan của các biến quan sát với Sig. = 0.000 < 0.05 chứng tỏ kết quả bác bỏ giả thuyết H<sub>0</sub>: các biến quan sát không có tương quan với nhau trong tổng thể, như vậy, giả thuyết mô hình nhân tố không phù hợp bị bác bỏ hay nói khác hơn dữ liệu để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp. Ngoài ra, kết quả cho thấy rằng, các giá trị eigenvalue = 1.54 lớn hơn 1 và kiểm định phương sai cộng dồn = 58.712% (lớn hơn 50%) chứng tỏ các nhân tố này giải thích 58.712% biến thiên dữ liệu, giá trị phương sai cộng dồn đạt yêu cầu.

**BẢNG 2: THỐNG KÊ MÔ TẢ DỮ LIỆU QUAN SÁT**

Biến khảo sát	Số quan sát	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Tỷ lệ đạt mức đồng ý (%)
IPS1	142	2.0	6.0	5.572	0.1047	68
IPS2	142	2.0	5.0	5.663	0.2157	57
KN1	142	2.0	7.0	4.214	0.0823	54
KN2	142	1.0	6.0	4.552	0.0596	43
KN3	142	2.0	5.0	3.536	0.0583	37
NL1	142	2.0	5.0	4.484	0.0593	53
NL2	142	2.0	7.0	4.520	0.0670	58
NL3	142	1.0	6.0	4.339	0.0596	56
NL4	142	2.0	5.0	4.513	0.0516	57
HT1	142	2.0	7.0	3.243	0.1258	24
HT2	142	2.0	7.0	3.765	0.4155	21
CP1	142	3.0	7.0	5.102	0.0695	61
CP2	142	2.0	5.0	4.214	1.2152	67
CP3	142	2.0	5.0	4.547	0.0454	62
TT1	142	2.0	7.0	4.152	0.2177	54
TT2	142	1.0	7.0	4.117	0.0164	49

Nguồn: Thống kê của tác giả

**BẢNG 3: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO**

Biến	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
IPS	Alpha = 0.841			
IPS1	7.71	1.968	0.612	
IPS2	7.63	1.812	0.555	
KN	Alpha = 0.646			
KN 1	7.63	1.327	0.563	0.420
KN 2	7.18	1.618	0.441	0.542
KN 3	7.24	1.623	0.402	0.644
NL	Alpha = 0.889			
NL 1	3.55	16.159	0.729	0.867
NL 2	3.56	15.549	0.763	0.848
NL 3	3.42	15.930	0.688	0.831
NL 4	3.67	16.457	0.641	0.824
HT	Alpha = 0.658			
HT 1	10.18	6.398	0.823	
HT 2	10.26	6.851	0.817	
CP	Alpha = 0.778			
CP 1	16.51	0.556	0.646	0.572
CP 2	16.46	0.522	0.696	0.548
CP 3	16.24	0.423	0.553	0.704
TT	Alpha = 0.826			
TT 1	29.21	22.503	0.676	
TT 2	29.28	23.285	0.662	

Nguồn: tính toán của tác giả

### Phân tích hồi quy tuyến tính

Mô hình hồi quy tuyến tính được áp dụng để xem xét mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến khả năng áp dụng IPSAS và Việt Nam được thể hiện như sau:

$$IPS = \alpha + \beta_1 KN + \beta_2 NL + \beta_3 HT + \beta_4 CP + \beta_5 TT + \varepsilon$$

Trong đó:

IPS: biến phụ thuộc đo lường khả năng áp dụng chuẩn mực IPSAS vào các tổ chức hành chính sự nghiệp Việt Nam;

KN, NL, HT, CP và TT là các biến độc lập lần lượt là kinh nghiệm ban hành chuẩn mực, năng lực đội ngũ kế toán công, sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam, chi phí, và hệ thống thông tin;

$\beta_i$  là hệ số góc thể hiện mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và biến độc lập thứ  $i$

$\varepsilon$  là sai số ngẫu nhiên.

Kết quả mô hình hồi quy được thể hiện qua Bảng 4.

Từ kết quả mô hình hồi quy đa biến, bài nghiên cứu cho thấy các hệ số tương quan đa số mang giá trị dương và có ý nghĩa thống kê trừ biến HT mang giá trị âm, có ý nghĩa thống kê và KN mang giá trị âm nhưng không có giá trị thống kê. Điều này chứng tỏ rằng năng lực đội ngũ kế toán công, chi phí và hệ thống thông tin đều có tương quan dương và sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam lại có tương quan âm đến khả năng áp dụng chuẩn mực IPSAS vào hoạt động kế toán công của các tổ chức hành chính sự nghiệp ở Việt Nam. Các giá trị P-value đều chấp nhận ở mức 1%-10%. Hệ số  $R^2 = 58\%$  chứng tỏ 58% khả năng áp

BẢNG 4: KẾT QUẢ MÔ HÌNH HỒI QUY ĐA BIẾN

Ký hiệu	Beta	SE	T-Sta	p-value
KN	-2.24115	0.02679	5.61580	0.7105
NL	0.42538	0.11458	1.94627	0.0338
HT	-0.24541	0.18521	2.03465	0.0000
CP	0.61595	0.02896	1.24764	0.0231
TT	0.23545	0.29344	1.71682	0.1002
C	-0.24625	0.43432	-2.01622	0.0329
R-squared = 0.5804				
Adjusted R-squared = 0.5706				

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức
2. Nguyễn Như Quỳnh (2015). *Xác định các nhân tố ảnh hưởng việc vận dụng IPSAS: “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ” vào Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
3. Nguyễn Thị Thu Phương (2014). *Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam*, luận văn Thạc sĩ, trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
4. Trần Đình Khôi Nguyên (2013). *Bàn về thang đo các nhân tố phi tài chính ảnh hưởng vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam*, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, số 190, trang 54-60
5. Le Thi Nha Trang (2012). *Application of IPSAS Standards to the Vietnamese Government Accounting and Financial Statements*, Master's Thesis, University of Tampere

dụng IPSAS được giải thích bởi các nhân tố đang xem xét.

### KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Bài nghiên cứu tìm ra 4 yếu tố ảnh hưởng đến khả năng áp dụng chuẩn mực kế toán công vào công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp đó là: Năng lực đội ngũ kế toán công, Sự hoàn thiện của chuẩn mực kế toán công Việt Nam, Chi phí, và Hệ thống thông tin. Nhìn từ kết quả nghiên cứu này tác giả có một vài đề xuất nhằm hướng đến việc vận dụng IPSAS vào công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới như sau:

*Thứ nhất*, trong tương lai cần điều chỉnh kế toán công Việt Nam theo hướng giống IPSAS, từng bước thay thế chuẩn mực đặc thù của Việt Nam sang chuẩn mực chung của thế giới.

*Thứ hai*, nâng cao năng lực của kế toán viên tại các đơn vị hành chính sự nghiệp. Việc đào tạo nhân viên kế toán công cần bắt đầu ở các cấp bậc đại học, đưa nội dung IPSAS vào quá trình đào tạo. Đối với các kế toán đang làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, cần hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu IPSAS để có thể áp dụng trong tương lai.

*Thứ ba*, cần chú trọng đầu tư phát triển hệ thống thông tin trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Mặc dù, chi phí nói chung cũng như chi phí cho hệ thống thông tin cần thiết để áp dụng IPSAS có thể lớn, nhưng việc đầu tư là cần thiết và nó sẽ mang lại lợi ích lớn về sau. Khi chúng ta tập trung giải quyết được các vấn đề này thì trong tương lai không xa các đơn vị hành chính sự nghiệp sẽ phổ cập áp dụng IPSAS, tăng cường tính hội nhập cho Việt Nam. □